# MỤC LỤC

[MỤC LỤC 1](#_Toc72783241)

[DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ 3](#_Toc72783242)

[DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU 3](#_Toc72783243)

[CHƯƠNG 1 : GIỚI THIỆU 4](#_Toc72783244)

[1.1 Tổng quan. 4](#_Toc72783245)

[1.2 Mục tiêu đề tài. 4](#_Toc72783246)

[1.3 Phạm vi đề tài. 4](#_Toc72783247)

[1.4 Mô tả yêu cầu chức năng. 4](#_Toc72783248)

[CHƯƠNG 2 : CƠ SỞ LÝ THUYẾT 6](#_Toc72783249)

[2.1 Mô hình Spring Web MVC. 6](#_Toc72783250)

[2.1.1 Model (Mô hình) 6](#_Toc72783251)

[2.1.2 View (Khung nhìn) 6](#_Toc72783252)

[2.1.3 Controller (Bộ điều khiển) 6](#_Toc72783253)

[2.2 Hibernate Framework 7](#_Toc72783254)

[2.2.1 Khái niệm 7](#_Toc72783255)

[2.2.2 Lợi ích của Hibernate Framework 7](#_Toc72783256)

[2.2.3 Database được hỗ trợ 8](#_Toc72783257)

[2.2.4 Các công nghệ được hỗ trợ 8](#_Toc72783258)

[CHƯƠNG 3 : PHÂN TÍCH 9](#_Toc72783259)

[3.1 Tiêu đề mục 9](#_Toc72783260)

[3.1.1 Tiêu đề tiểu mục 9](#_Toc72783261)

[3.1.2 Tiêu đề tiểu mục 9](#_Toc72783262)

[3.2 Tiêu đề mục 9](#_Toc72783263)

[3.2.1 Tiêu đề tiểu mục 9](#_Toc72783264)

[3.2.2 Tiêu đề tiểu mục 9](#_Toc72783265)

[CHƯƠNG 4 : THIẾT KẾ VÀ HIỆN THỰC 10](#_Toc72783266)

[4.1 Tiêu đề mục 10](#_Toc72783267)

[4.1.1 Tiêu đề tiểu mục 10](#_Toc72783268)

[4.1.2 Tiêu đề tiểu mục 10](#_Toc72783269)

[4.2 Tiêu đề mục 10](#_Toc72783270)

[4.2.1 Tiêu đề tiểu mục 10](#_Toc72783271)

[4.2.2 Tiêu đề tiểu mục 10](#_Toc72783272)

[CHƯƠNG 5 : KẾT LUẬN 11](#_Toc72783273)

[5.1 Kết quả đạt được 11](#_Toc72783274)

[5.2 Hạn chế của đồ án 11](#_Toc72783275)

[5.3 Hướng phát triển 11](#_Toc72783276)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 11](#_Toc72783277)

[PHỤ LỤC 12](#_Toc72783278)

# DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

[Hình 2‑1 Thao tác cập nhật mục lục 6](#_Toc533935190)

[Hình 2‑2 Cách chèn nhãn cho hình 7](#_Toc533935191)

[Hình 2‑3 Cách tạo một nhãn mới 8](#_Toc533935192)

[Hình 2‑4 Cách tham chiếu đến một nhãn 8](#_Toc533935193)

# DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

[Bảng 2‑1 Tên bảng 9](#_Toc533933326)

# : GIỚI THIỆU

## Tổng quan.

Trong thời đại ngày nay, thời đại mà người “người người làm web, nhà nhà làm web” thì việc có một website để quảng bá công ty hay một website cá nhân không còn là điều gì xa xỉ nữa. Thông qua website khách hàng có thể lựa chọn những sản phẩm mà mình cần một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Ngoài ra còn nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, website bán hàng cho EStore nhằm quảng bá sản phẩm của shop tới người tiêu dùng, hỗ trợ việc mua bán qua mạng một cách nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí, thời gian. Giúp khách hàng có thể lựa chọn cho mình sản phẩm ưng ý mà không phải đến tận nơi để xem và mua hàng, khách hàng có thể xem và mua hàng trực tiếp trên website.

Với lí do đó, nhóm em quyết định “Xây dựng website bán mỹ phẩm”.

## Mục tiêu đề tài.

Xây dựng website người dùng có thể mua hàng, xem sản phẩm hay người quản lý có thể quản lý sản phẩm một cách tiện lợi.

## Phạm vi đề tài.

Website được triển khai tại Cửa hàng mỹ phẩm Estore – 103 Phú Định, Phường 16, Quận 8, TP. HCM nhằm tạo ra website đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và chiến lược kinh doanh cửa hàng.

## Mô tả yêu cầu chức năng.

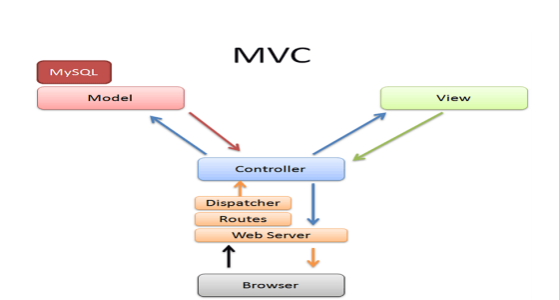
Website đáp ứng các chức năng cơ bản của một webapp bán hàng online, được thiết kế để phù hợp với khách hàng không có tài khoản (Gues) hoặc khách hàng có tài khoản (Customer) hoặc người quản lý (Admin).

* Tìm kiếm sản phẩm theo tên/loại sản phẩm
* Xem danh sách các sản phẩm
* Xem chi tiết sản phẩm
* Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
* Thêm/xóa/sửa các sản phẩm trong giỏ hàng
* Đăng ký/Đăng nhập tài khoản
* Thực hiện mua hàng
* Hủy đơn hàng hiện tại
* Thêm/xóa/sửa lịch sử các đơn hàng đã mua
* Cập nhật thông tin cá nhân
* Thêm/xóa/sửa các tài khoản
* Thêm/xóa/sửa các sản phẩm
* Thêm/xóa/sửa các đơn hàng
* Thống kê doanh thu theo tháng/năm
* Thống kê top sản phẩm theo tháng/năm



# : CƠ SỞ LÝ THUYẾT

## Mô hình Spring Web MVC.



### Model (Mô hình)

Mô hình gồm các lớp Java có nhiệm vụ:

* Biểu diễn data và cho phép truy cập tới để get và set data trong JavaBean.
* Nhận các yêu cầu từ View.
* Thi hành các yêu cầu đó (tính toán, kết nối CSDL..).

### View (Khung nhìn)

Bao gồm các mã tương tự như JSP, HTML, CSS, XML, Javascript, JSON,… để hiển thị giao diện người dùng, các dữ liệu trả về từ Model thông qua Controller.

### Controller (Bộ điều khiển)

* Đồng bộ hóa giữa View và Model. Nghĩa là với một trang JSP này thì tương ứng với class Java nào để xử lý nó và ngược lại, kết quả sẽ trả về trang jsp nào. Nó đóng vai trò điều tiết giữa View và Model.
* Như vậy, chúng ta có thể tách biệt được giữa các mã Java khỏi mã jsp. Do vậy người thiết kế giao diện và người lập trình Java có thể mang tính chất độc lập tương đối.
* Việc debug hay bảo trì sẽ dễ dàng hơn, việc thay đổi các theme của trang web cũng sẽ ít ảnh hưởng hơn,…

## Hibernate Framework

### Khái niệm

* Hibernate Framework là một giải pháp ORM (Object Relational Mapping) mã nguồn mở, gọn nhẹ. Hibernate giúp đơn giản hoá sự phát triển của ứng dụng Java để tương tác với cơ sở dữ liệu.
* Tool ORM giúp đơn giản hoá việc tạo ra dữ liệu, thao tác dữ liệu và truy cập dữ liệu. Đó là một kỹ thuật lập trình để ánh xạ đối tượng vào dữ liệu được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu.



* Các tool ORM sử dụng JDBC API để tương tác với cơ sở dữ liệu.

### Lợi ích của Hibernate Framework

* **Mã nguồn mở và nhẹ:**Hibernate Framework là mã nguồn mở có giấy phép LGPL và nhẹ.
* **Hiệu suất nhanh:** Hiệu suất của Hibernate Framework là nhanh bởi vì bộ nhớ cache được sử dụng trong nội bộ Hibernate Framework. Có hai loại bộ nhớ cache trong Hibernate Framework, gồm bộ nhớ cache cấp một và bộ nhớ cache cấp hai. Bộ nhớ cache cấp một được bật bằng lệnh mặc định.
* **Truy vấn cơ sở dữ liệu độc lập:** HQL (Hibernate Query Language) là phiên bản hướng đối tượng của SQL. Nó tạo ra các truy vấn cơ sở dữ liệu độc lập. Vì vậy, bạn không cần phải viết các truy vấn cơ sở dữ liệu cụ thể. Trước Hibernate, nếu dự án có cơ sở dữ liệu bị thay đổi, chúng ta cần phải thay đổi truy vấn SQL dẫn đến sự cố bảo trì.
* **Tạo bảng tự động:** Hibernate framework cung cấp phương tiện để tạo ra các bảng cơ sở dữ liệu tự động. Vì vậy, không cần phải tạo ra các bảng trong cơ sở dữ liệu bằng tay.
* **Đơn giản lệnh join phức tạp:** Có thể lấy dữ liệu từ nhiều bảng một cách dễ dàng với Hibernate framework.
* **Cung cấp thống kê truy vấn và trạng thái cơ sở dữ liệu:** Hibernate hỗ trợ bộ nhớ cache truy vấn và cung cấp số liệu thống kê về truy vấn và trạng thái cơ sở dữ liệu.

### Database được hỗ trợ

Hibernate hỗ trợ hầu hết tất cả RDBMS chính. Dưới đây là danh sách vài cơ sở dữ liệu quan hệ được hỗ trợ bởi Hibernate:

* HSQL Database Engine
* DB2/NT
* MySQL
* PostgreSQL
* FrontBase
* Oracle
* Microsoft SQL Server Database
* Sybase SQL Server
* Informix Dynamic Server

### Các công nghệ được hỗ trợ

Hibernate hỗ trợ nhiều công nghệ khác, bao gồm:

* XDoclet Spring
* J2EE
* Eclipse plug-ins
* Maven

# : PHÂN TÍCH

Chương này sinh viên trình bày quá trình phân tích bài toán hoặc hệ thống từ việc thu thập thông tin, thu nhận yêu cầu ban đầu. Sinh viên có thể trình bày các lược đồ (UML, ERD, …)

## Sơ đồ usecase

### Sơ đồ usecase tổng quát

#### *Sơ đồ Use case tổng quát*



### Danh sách tác nhân và mô tả

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Mô tả tác nhân |
| Người dùng không có tài khoản | Là khách viếng thăm mà không cần đăng nhập hệ thống website, họ có thể thực hiện các chức năng như đăng ký, đăng nhập, tìm và xem các sản phẩm. Ngoài ra còn có thể xem các thông tin sự kiện, tin tức của website. |
| Người dùng có tài khoản | Người dùng hệ thống có thể thực hiện các chức năng của Người dùng không có tài khoản (khách tham quan), ngoài ra người dùng có tài khoản (khách hàng) còn có thể: Thêm sản phẩm vào giỏ, xử lý thanh toán, Quản lý tài khoản cá nhân (Cập nhật thông tin hồ sơ, Đổi mật khẩu, Quản lý thông tin địa chỉ) và Quản lý đơn hàng (Xem chi tiết đơn hàng, Hủy đơn hàng, Tìm đơn hàng). |
| Quản trị viên | Là người nắm quyền quản lý tất cả mọi thứ như: Người dùng, nhân viên, quản lý thông tin sản phẩm, quản lý loại sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý thương hiệu,… Với các chức năng điển hình như Tìm, Thêm, Xóa, Sửa thông tin. |

### Danh sách các tình huống hoạt động (Usecases)

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Tên Use case |
| UC01 | Đăng nhập |
| UC02 | Đăng ký tài khoản |
| UC03 | Xem danh mục sản phẩm |
| UC04 | Xem chi tiết sản phẩm |
| UC05 | Thêm sản phẩm vào giỏ |
| UC06 | Tìm sản phẩm |
| UC07 | Xem giỏ hàng |
| UC07.1 | Chỉnh sửa số lượng sản phẩm có trong giỏ |
| UC07.2 | Xoá sản phẩm trong giỏ |
| UC08 | Xử lý thanh toán |
| UC09 | Quản lý tài khoản |
| UC09.1 | Cập nhật thông tin cá nhân |
| UC010 | Xem đơn hàng |
| UC011 | Quản lý sản phẩm |
| UC011.1 | Tìm sản phẩm |
| UC011.2 | Thêm sản phẩm mới |
| UC011.3 | Xóa sản phẩm |
| UC011.4 | Chỉnh sửa thông tin sản phẩm |
| UC012 | Quản lý danh mục |
| UC012.1 | Thêm danh mục mới |
| UC012.2 | Xóa danh mục |
| UC012.3 | Chỉnh sửa thông tin danh mục |
| UC013 | Quản lý người dùng |
| UC013.1 | Tìm người dùng |
| UC013.2 | Thêm người dùng mới |
| UC013.3 | Xóa người dùng |
| UC013.4 | Chỉnh sửa thông tin người dùng |
| UC014 | Quản lý khách hàng |
| UC014.1 | Thêm khách hàng mới |
| UC014.3 | Chỉnh sửa thông tin khách hàng |
| UC014.4 | Xóa khách hàng |
| UC014.5 | Thêm đơn hàng mới |
| UC014.6 | Xóa đơn hàng |
| UC015 | Thống kê doanh thu |

#### Danh sách tác nhân và mô tả

## Tiêu đề mục

### Tiêu đề tiểu mục

Nội dung tiểu mục

### Tiêu đề tiểu mục

Nội dung tiểu mục

# : THIẾT KẾ VÀ HIỆN THỰC

Chương này sinh viên trình bày quá trình thiết kế, thử nghiệm và hiện thực hệ thống hoặc bài toán.

## Tiêu đề mục

### Tiêu đề tiểu mục

Nội dung tiểu mục

### Tiêu đề tiểu mục

Nội dung tiểu mục

## Tiêu đề mục

### Tiêu đề tiểu mục

Nội dung tiểu mục

### Tiêu đề tiểu mục

Nội dung tiểu mục

# : KẾT LUẬN

## Kết quả đạt được

* Đặt mua hàng
* Xem sản phẩm
* Tìm kiếm sản phẩm
* Thống kê, quản lý đơn hàng
* Đăng nhập, ký cho người dùng
* Quản lý sản phẩm, danh mục, nhà cung cấp, user, admin
* Hệ thống bán hàng được hoàn thiện cơ bản, giao diện mang lại sự thoải mái cho người dùng, thao tác đơn giản, dễ học hiểu.

## Hạn chế của đồ án

* Chưa deploy lên server, chưa xử lý được tình trạng đồng bộ, bất đồng bộ dữ liệu chưa phong phú, chưa thanh toán online, chưa xử lý đổi trả đơn hàng
* Chưa backup, restore data

## Hướng phát triển

* Tuân thủ code theo quy tắc của mvc, đối tượng
* Deloy web lên server
* Tích hợp bảo mật thông tin người dùng
* Liên kết với dịch vụ trang web thứ 3
* Tối ưu hoá hiệu suất

# 

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu Tiếng Việt

1. Họ và Tên tác giả (Thứ tự theo Tên). Tên sách. Tên nhà xuất bản, năm xuất bản.
2. Nguyễn Quốc Cường, Hoàng Đức Hải. Giáo trình Đồ hoạ vi tính. NXB Giáo dục, 2000.

Các tài liệu Tiếng Anh

1. Amy Apon. Lecture for Cluster and Grid Computing. University of Arkansas, 2004.
2. Bart Jacob, Luis Ferreira, Nobert Bieberstein, Candice Gilzean, Jean-Yves, Girard, Roman Strachowski, Seong (Steve) Yu. Enabling Application for Grid Computing with Globus. IBM RedBooks, 2003.

Các tài liệu từ Internet

1. Website GIS của chính phủ: [http://gis.chinhphu.vn](http://gis.chinhphu.vn/)
2. ...

# PHỤ LỤC